



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo Quyết định số/ attachment with decision: /QĐ-VPCNCL
ngày tháng 04 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng/
of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: Phòng Kiểm soát chất lượng

Laboratory: Quality Control Section

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng

Organization: Branch of Viet Nam – Italy Steel Joint Stock Company in Hai Phong

Lĩnh vực: Hoá, Cơ

Field: Chemical, Mechanical

Người quản lý/ Laboratory manager: Phạm Đức Đạt

Số hiệu/ Code: VILAS 509

Hiệu lực công nhận/ period of validation: Kể từ ngày /04/2025 đến ngày 02/10/2030

Địa chỉ / Address:

KCN Nam Cầu Kiền, phường Hoàng Lâm, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Địa điểm / Location:

KCN Nam Cầu Kiền, phường Hoàng Lâm, thành phố Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

Điện thoại/ Tel: (+84) 225 3868 721

Fax: (+84) 225 3868 722

E-mail: kiemsoatchatluonghp@vis.com.vn

Website: www.vis.com.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED TESTS****VILAS 509**Lĩnh vực thử nghiệm: **Hoá***Field of Testing: Chemical*

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thép cacbon và thép hợp kim thấp/ Thép cốt bê tông (thanh, dây) <i>Carbon and low alloy steel / Reinforcing steel (bar, wire)</i>	Xác định thành phần hóa học. Phương pháp quang phổ phát xạ <i>Determination the chemical composition</i> <i>Atomic emission spectrometric analysis method</i>	C: (0.02 ~ 1.1)%	ASTM E415-21 TCVN 8998:2018
2.			Si: (0.02 ~ 1.54)%	
3.			Mn: (0.03 ~ 2.0)%	
4.			P: (0.006 ~ 0.085)%	
5.			S: (0.001 ~ 0.055)%	
6.			Cr: (0.07 ~ 8.14)%	
7.			Ni: (0.006 ~ 5)%	
8.			Cu: (0.004 ~ 0.5)%	
9.			Mo: (0.007 ~ 1.3)%	
10.			V: (0.003 ~ 0.3)%	
11.			Ti: (0.001 ~ 0.2)%	
12.			B: (0.0004 ~ 0.007)%	
13.			N: (0.001 ~ 0.055)%	

Ghi chú/Note:- ASTM: Hội thử nghiệm và vật liệu Mỹ/ *American Society for Testing and Materials*

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN**LIST OF ACCREDITED TESTS****VILAS 509**

Lĩnh vực thử nghiệm: Cơ

Field of Testing: Mechanical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu thử <i>Materials or products tested</i>	Tên phương pháp thử cụ thể <i>The Name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có) / Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test methods</i>
1.	Thép cốt bê tông, thép thanh vằn, thép tròn trơn/ Reinforcement steel bar, wire rods.	Thử kéo, xác định: - Giới hạn chảy - Giới hạn bền - Độ giãn dài (%) <i>Tensile test, determination of:</i> - Yield strength - Tensile strength - Elongation	10kN ~ 2000kN	ISO 15630-1:2019 TCVN 7937-1:2013 BS EN ISO 15630- 1:2019 ASTM A370 – 24 TCVN 197-1:2014 JIS Z 2241:2022 + Amd 1:2023
2.		Thử uốn <i>Bend test</i>	Đến 180°, Thép có đường kính ≤D51 <i>to 180°, Steel with diameter test ≤D51</i>	ISO 15630-1:2019 TCVN 7937-1:2013 BS EN ISO 15630- 1:2019 ASTM A370 – 24 TCVN 198:2008 JIS Z 2248:2022 + Amd 1:2022

Ghi chú/Note:

- ISO: International Organization for Standardization
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam/ Vietnamese Standard
- BS: Tiêu chuẩn của Anh/ British Standard
- EN: Tiêu chuẩn châu Âu
- ASTM: Hội thử nghiệm và vật liệu Mỹ/ American Society for Testing and Materials
- JIS: Tiêu chuẩn của Nhật

Trường hợp Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Chi nhánh Công ty cổ phần thép Việt Ý tại Hải Phòng phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *If It is mandatory for Branch of Viet Nam – Italy Steel Joint Stock Company in Hai Phong that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*